

Số: TVHN-266/DBQG

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2026

## BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN

### I. Diễn biến xu thế thủy văn

#### 1. Lưu vực sông Hồng

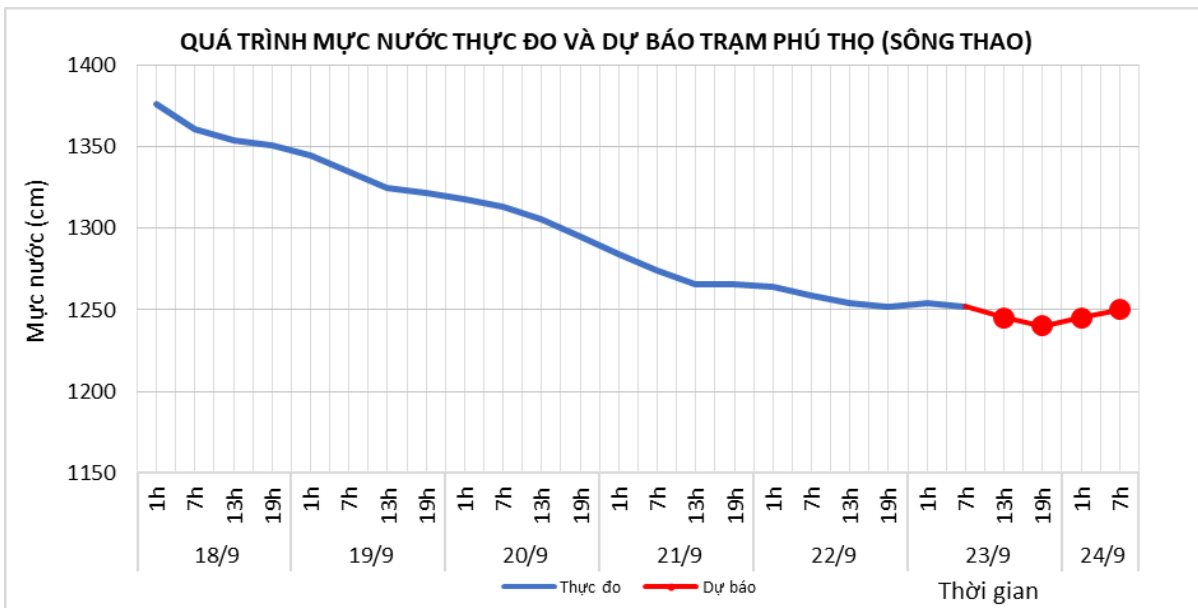
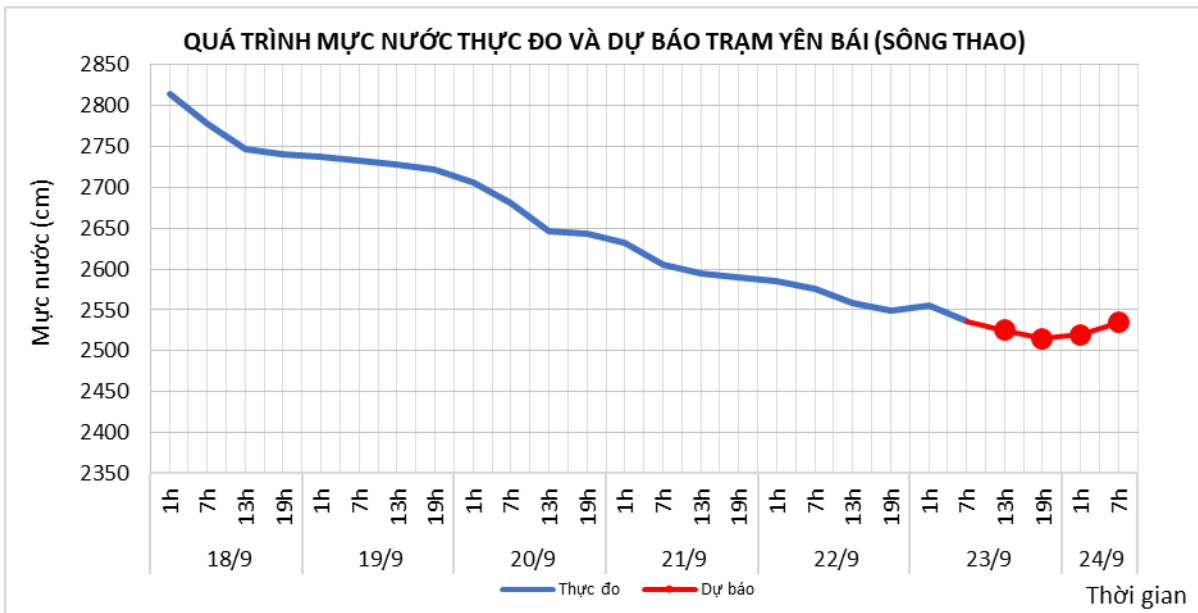
##### 1.1. Sông Thao

###### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ đang xuống.

###### b. Dự báo, cảnh báo

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ sẽ biến đổi chậm.



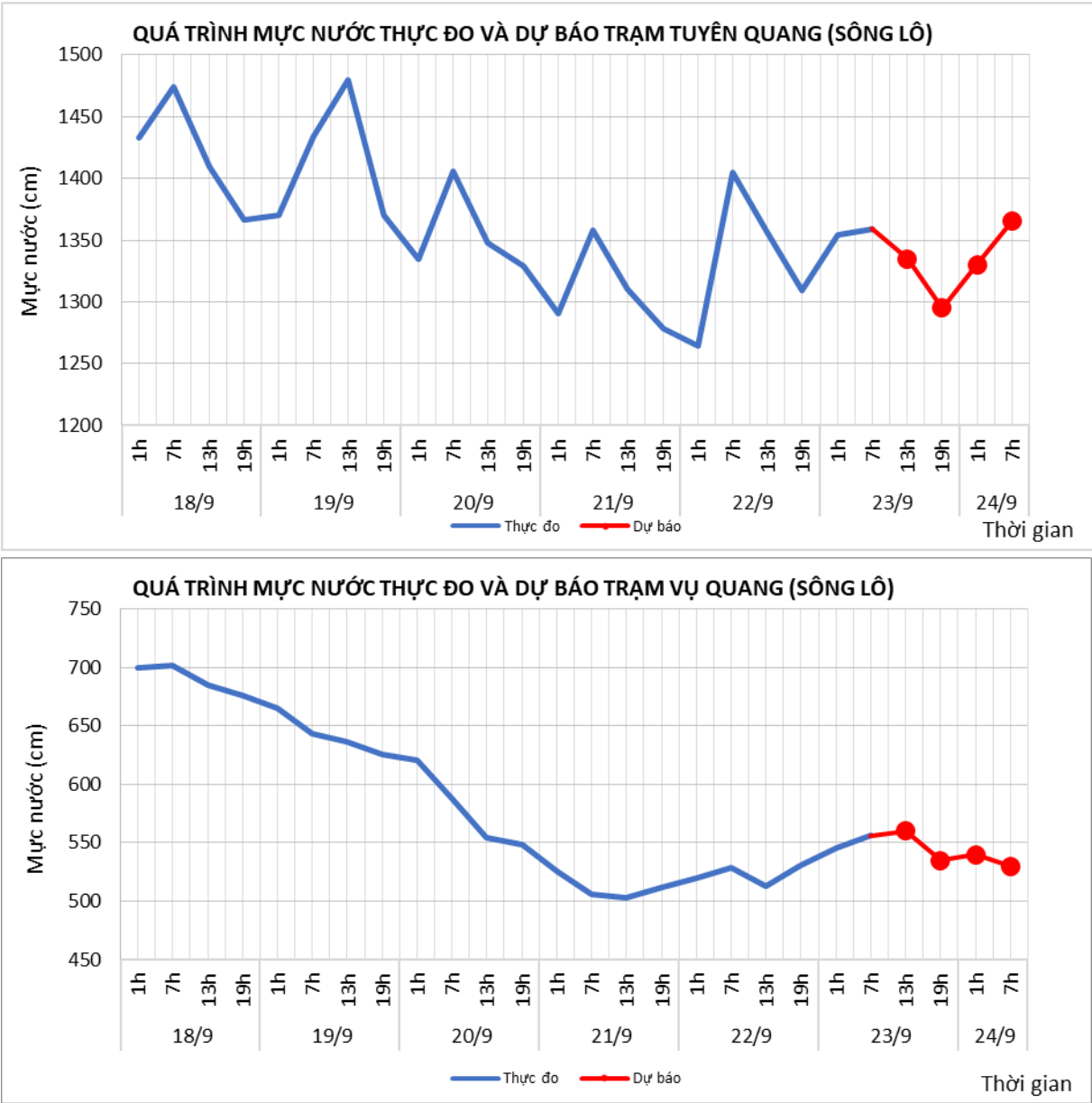
1.2. Sông Lô

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang đang dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.

b. Dự báo, cảnh báo

Hạ lưu sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang sẽ tiếp tục dao động và chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên.



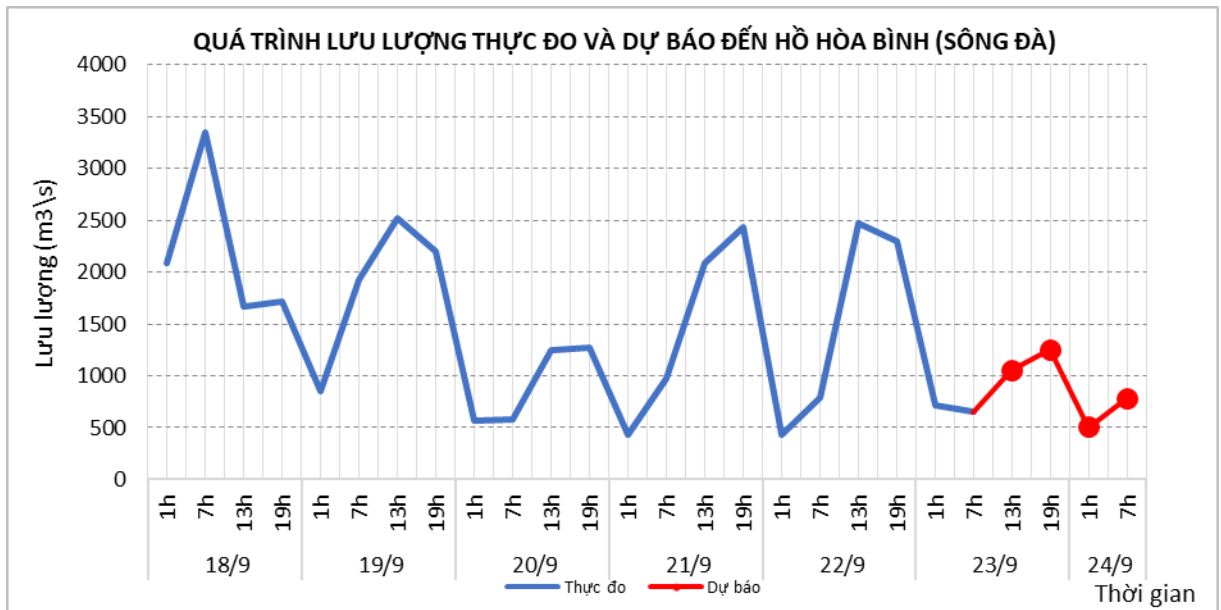
1.3. Sông Đà

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.



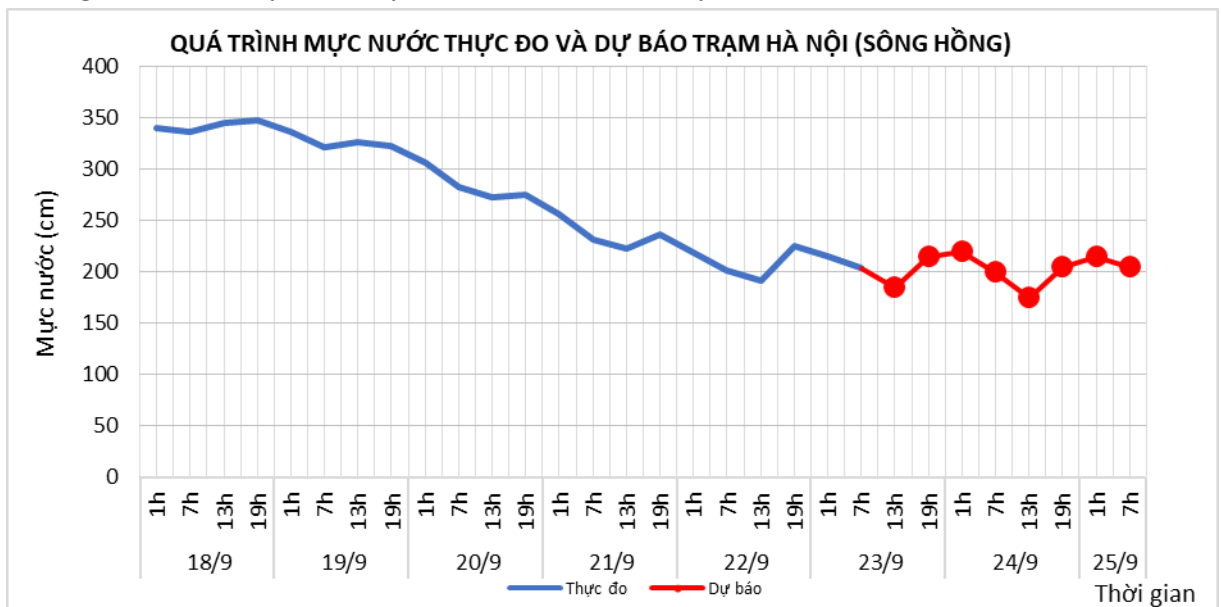
## 1.4. Sông Hồng

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Hồng đang dao động theo thủy triều và chịu điều tiết thủy điện tuyến trên. Mức nước tại trạm thủy văn Hà Nội lúc 7h ngày 23/09 là 2,04m.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội sẽ tiếp tục dao động, chịu ảnh hưởng điều tiết thủy điện tuyến trên và chế độ thủy triều.



## 2. Lưu vực sông Thái Bình

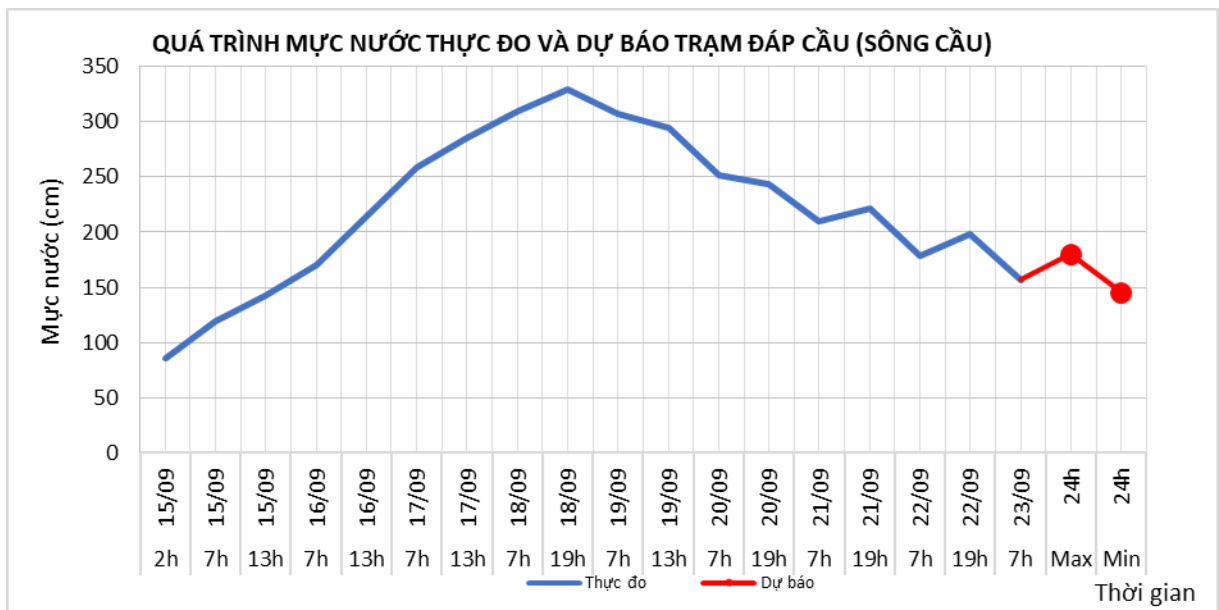
### 2.1. Sông Cầu

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Cầu tại trạm Đáp Cầu đang dao động theo xu thế xuống.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Cầu tại trạm Đáp Cầu tiếp tục dao động theo xu thế xuống.



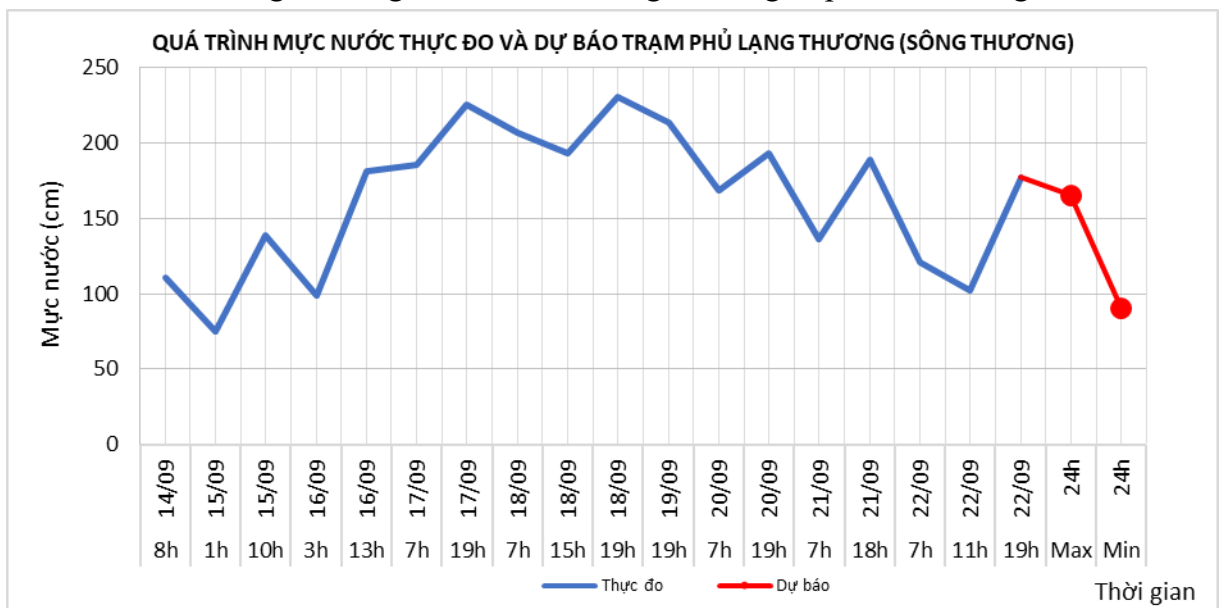
## 2.2. Sông Thương

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thương tại trạm Phủ Lạng Thương đang dao động theo thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thương tại trạm Phủ Lạng Thương tiếp tục dao động theo triều.



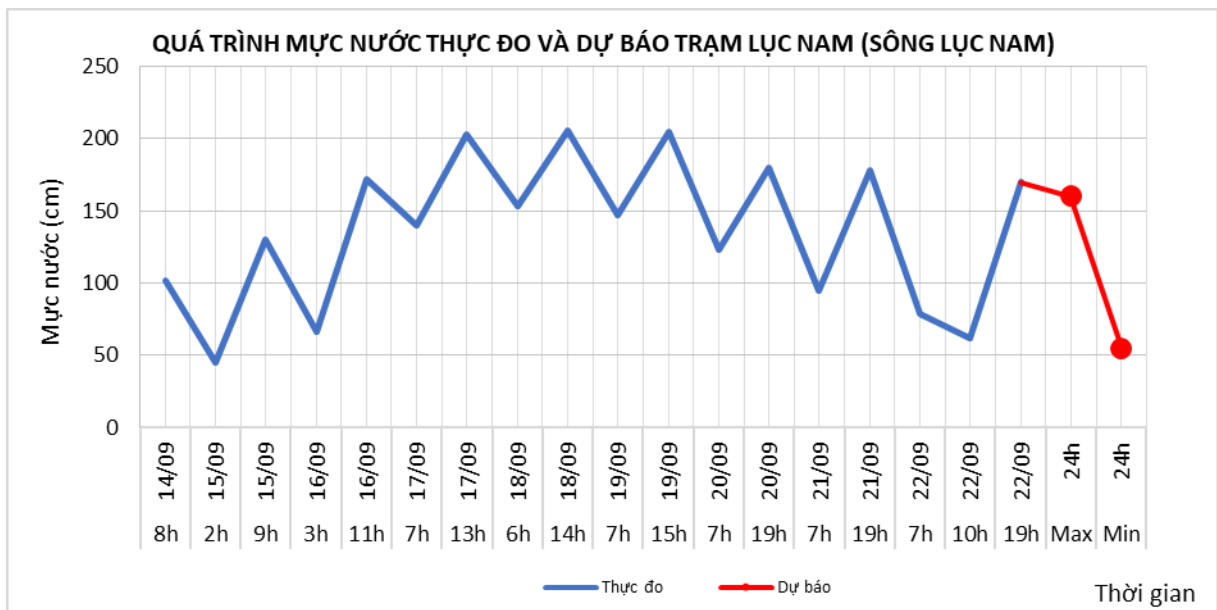
## 2.3. Sông Lục Nam

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lục Nam tại trạm Lục Nam đang dao động theo thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong 24 giờ tới, mức nước trên sông Lục Nam tại trạm Lục Nam tiếp tục dao động theo triều.



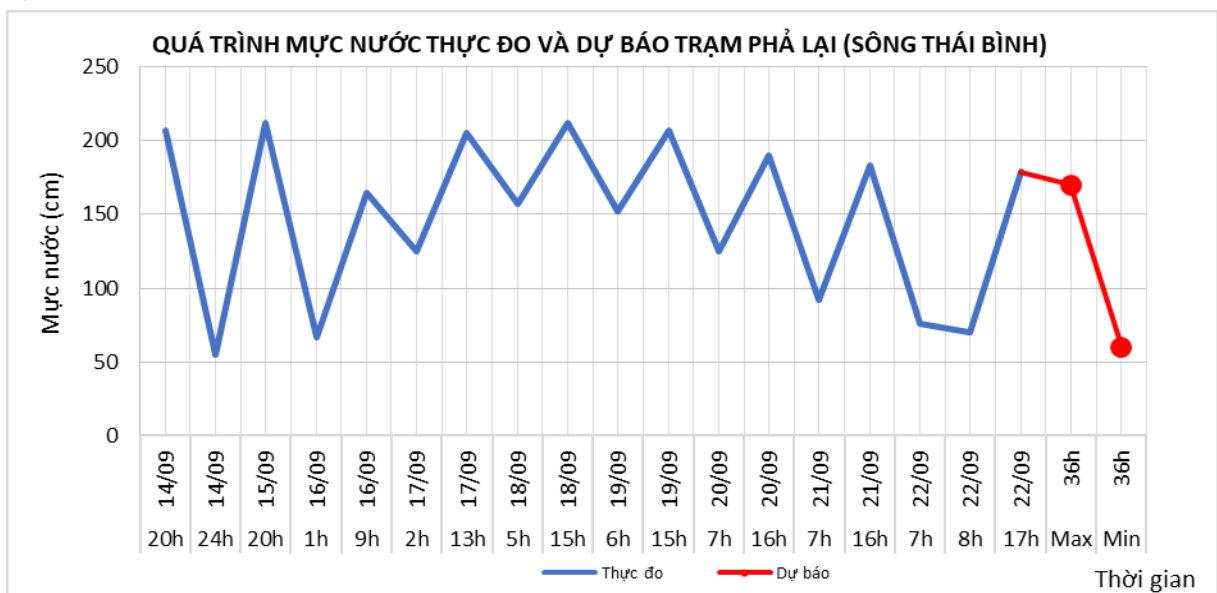
## 2.4. Sông Thái Bình

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại đang dao động theo thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục dao động theo thủy triều. Trong 36h tới, mức nước tại trạm Phả Lại dự báo cao nhất là 1,70m; thấp nhất là 0,60m.



## 3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

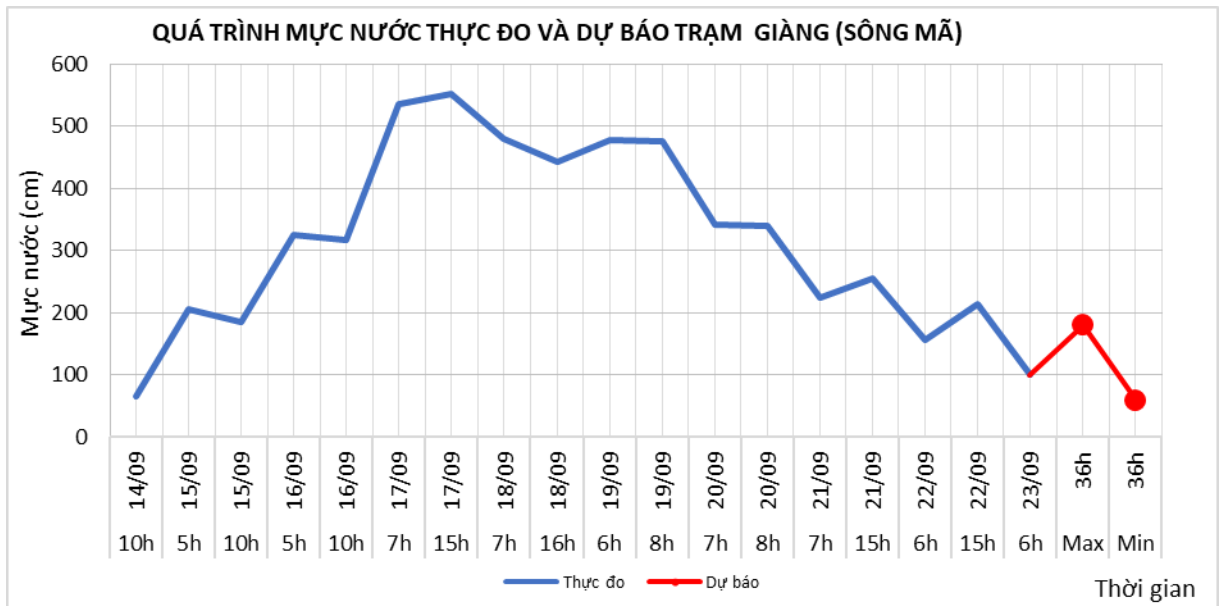
### 3.1. Sông Mã

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trung, thượng lưu sông Mã có dao động, hạ lưu tại trạm Giàng dao động theo xu thế xuống.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trung, thượng lưu sông Mã có dao động, hạ lưu tại trạm Giàng dao động theo xu thế xuống.



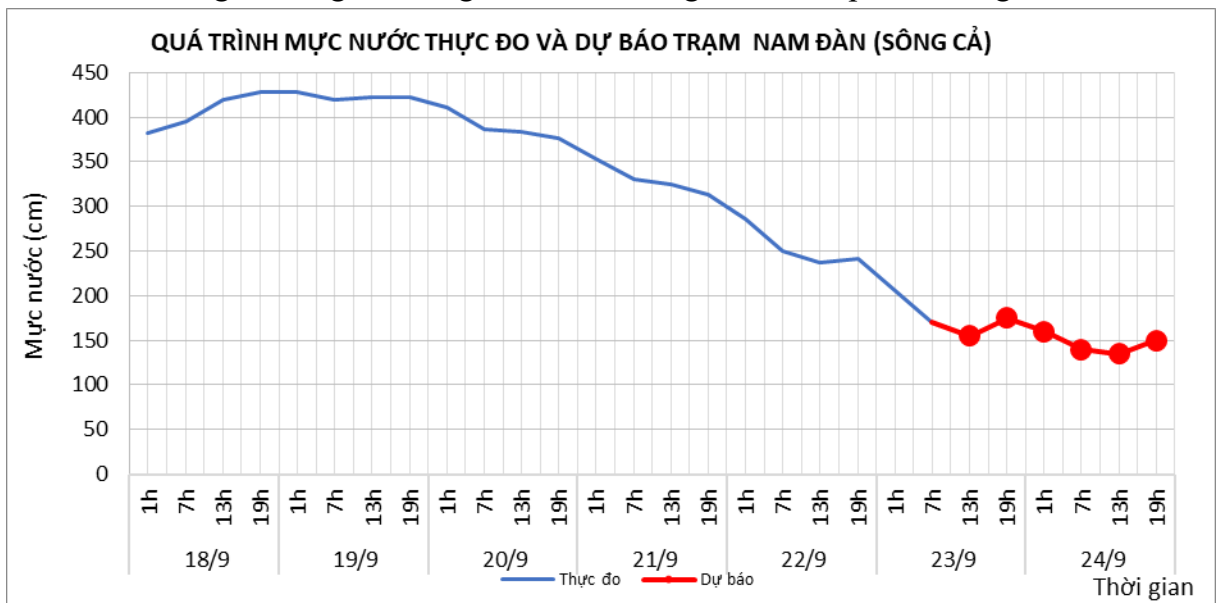
### 3.2. Sông Cả

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trung, thượng lưu sông Cả có dao động, hạ lưu đang xuống.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trung, thượng lưu sông Cả có dao động, hạ lưu tiếp tục xuống.



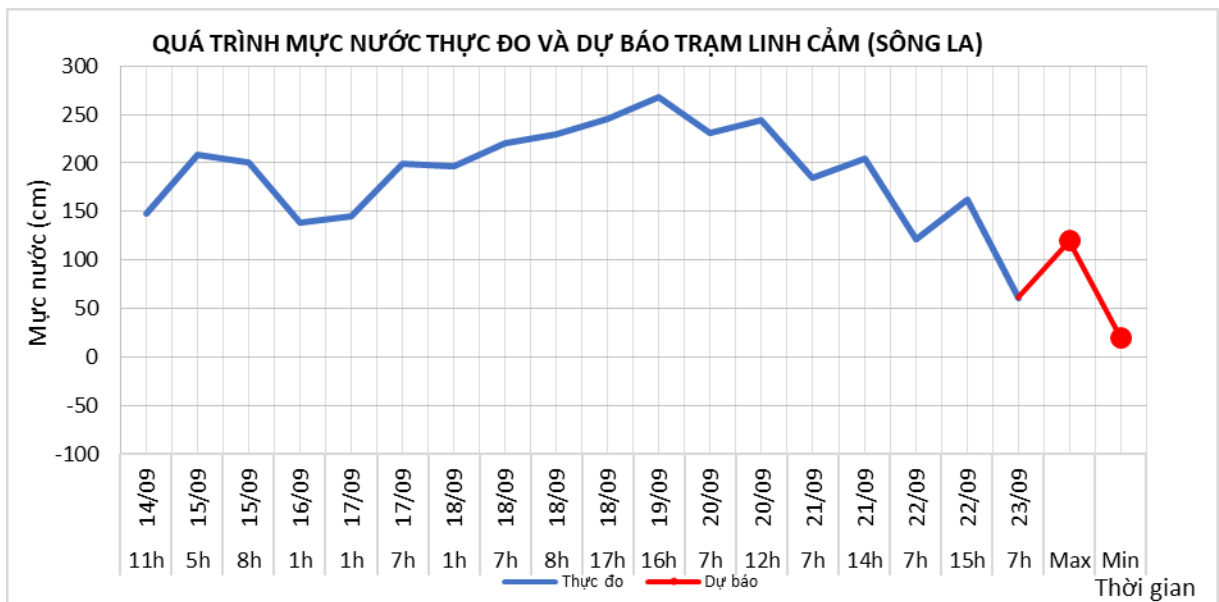
### 3.3. Sông La

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố có dao động, hạ lưu sông La dao động theo triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố có dao động, hạ lưu sông La dao động theo xu thế xuống.



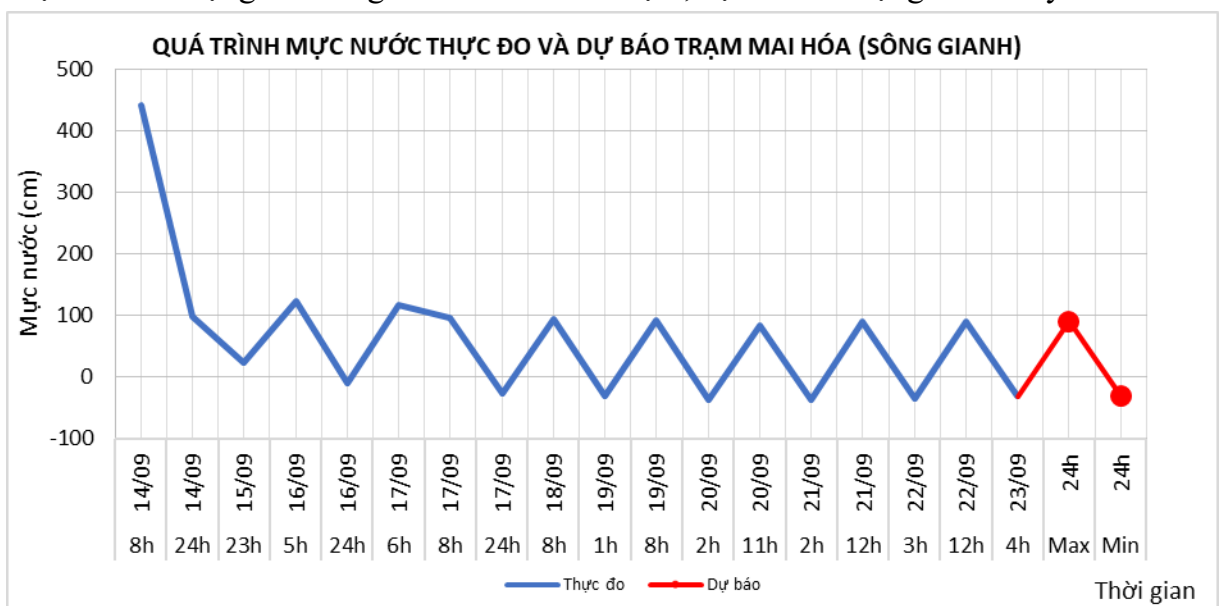
### 3.4. Sông Gianh

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu sông Gianh biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu sông Gianh biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo thủy triều.



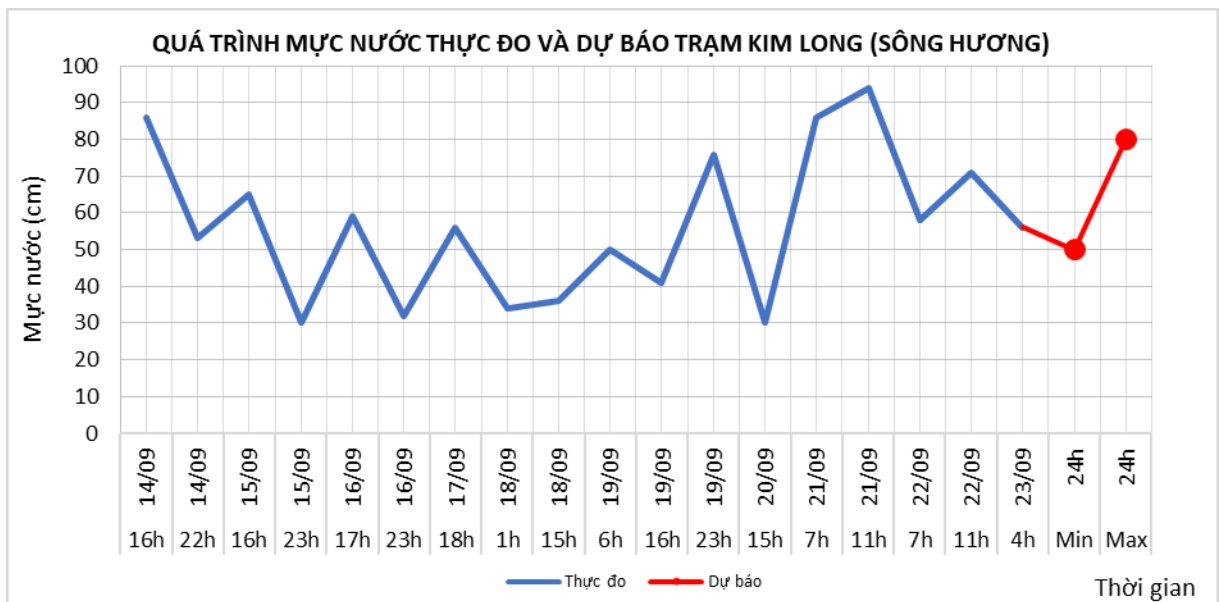
### 3.5. Sông Hương

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hương dao động theo điều tiết hồ chứa.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông có dao động.



#### 4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

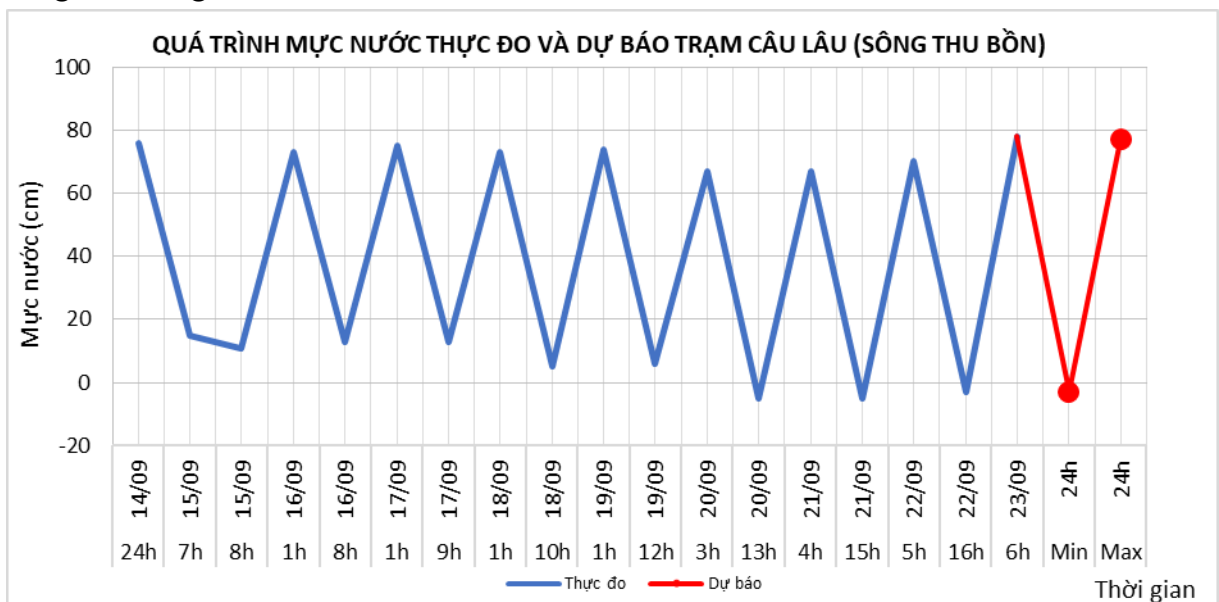
##### 4.1. Sông Vu Gia Thu Bồn

###### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trung, thượng lưu các sông dao động theo vận hành hồ chứa, hạ lưu các sông dao động theo triều.

###### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trung, thượng lưu các sông dao động theo vận hành hồ chứa, hạ lưu các sông dao động theo triều.



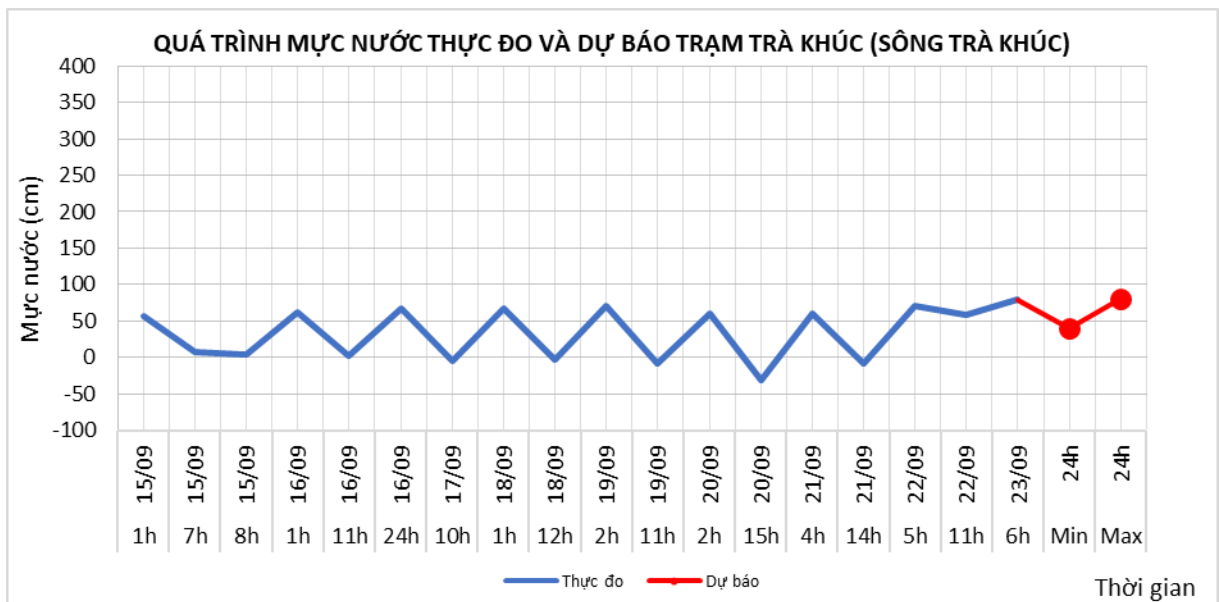
##### 4.2. Sông Trà Khúc

###### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu sông Trà Khúc có dao động, hạ lưu biến đổi chậm.

###### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu sông Trà Khúc có dao động, hạ lưu biến đổi chậm.



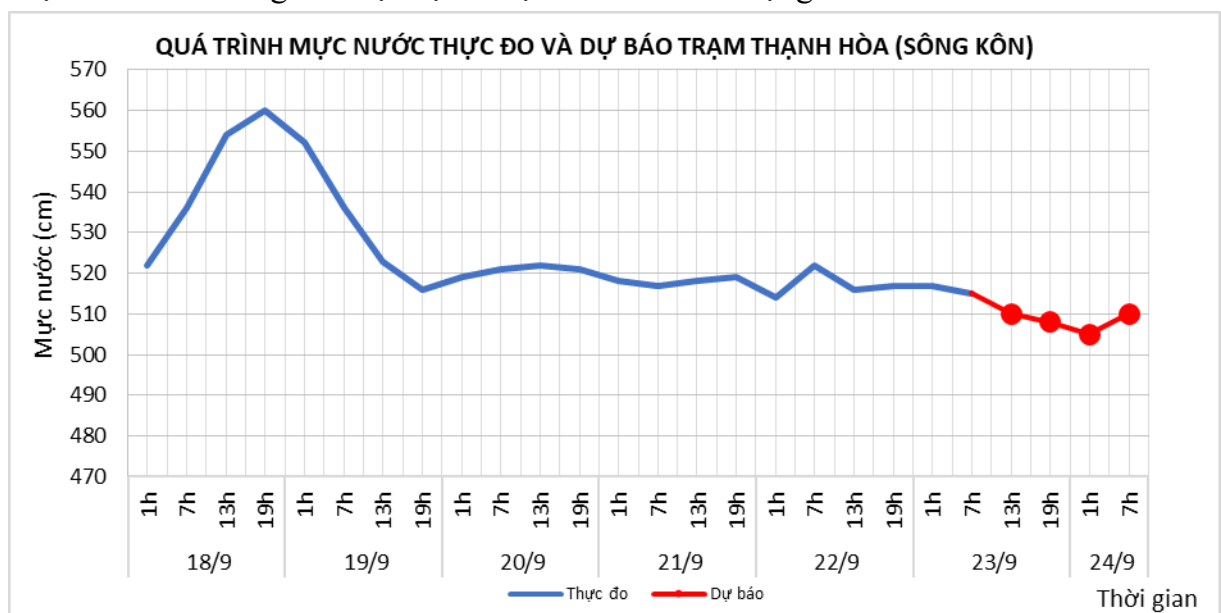
### 4.3. Sông Kôn

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa đang biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa có dao động.



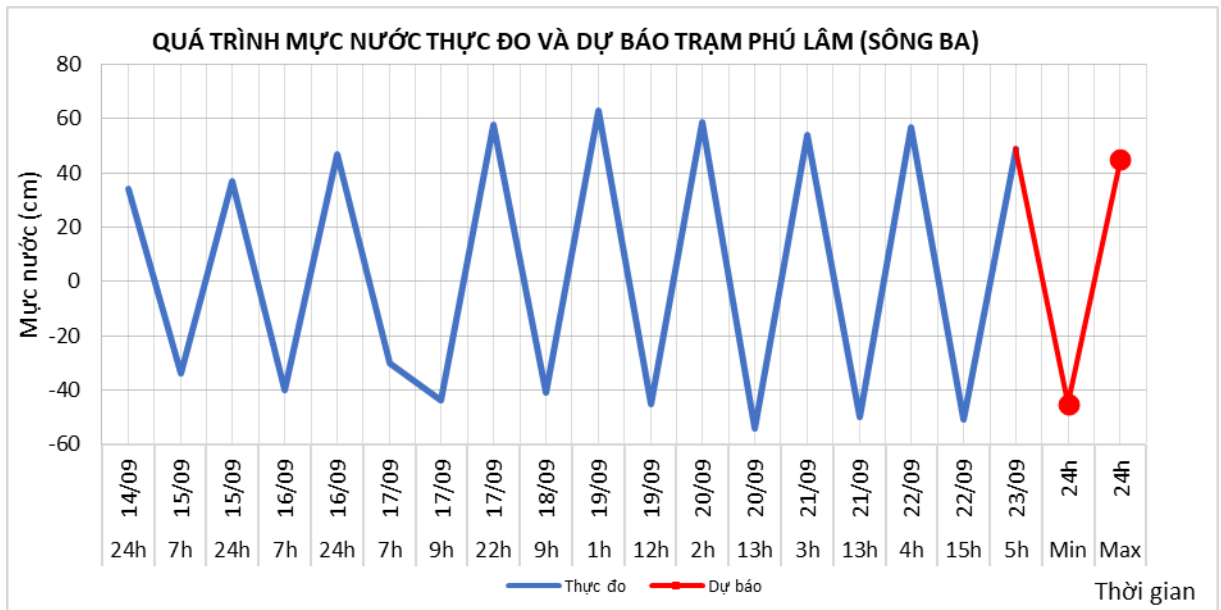
### 4.4. Sông Ba

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Ba dao động do chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Ba tiếp tục dao động do chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên và thủy triều.



## 5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

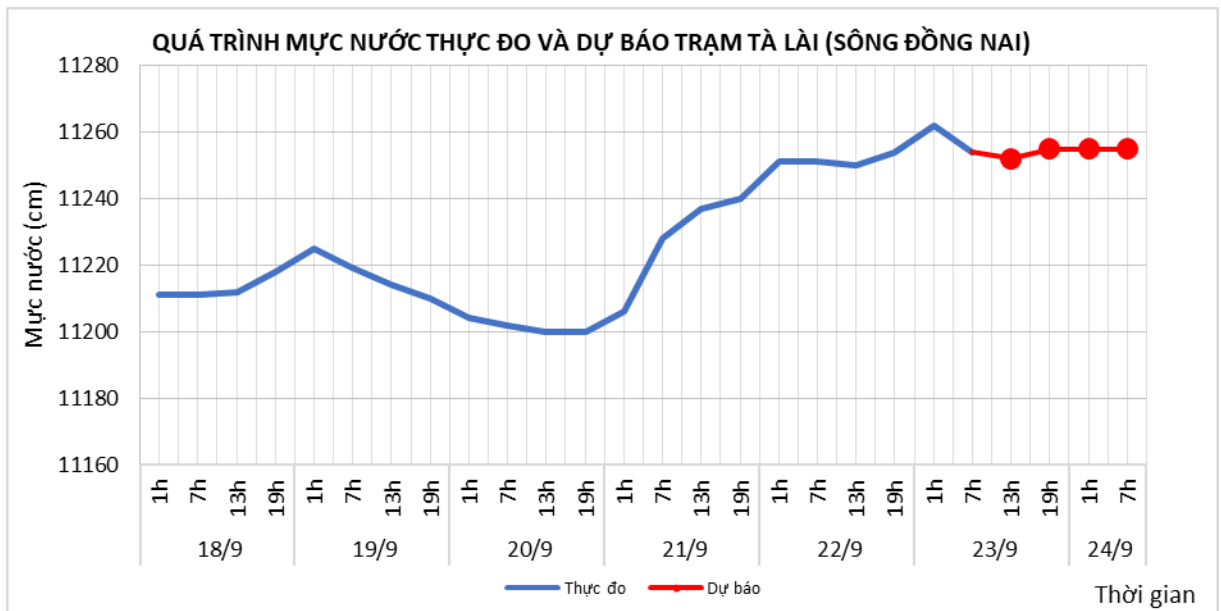
### 5.1. Sông Đồng Nai

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Đồng Nai đang dao động ở mức trên BĐ2. Lúc 07h/23/9, mực nước tại trạm Tà Lài là 112,54m, ở trên BĐ2 0,04m.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài tiếp tục dao động ở mức BĐ2 và trên mức BĐ2.



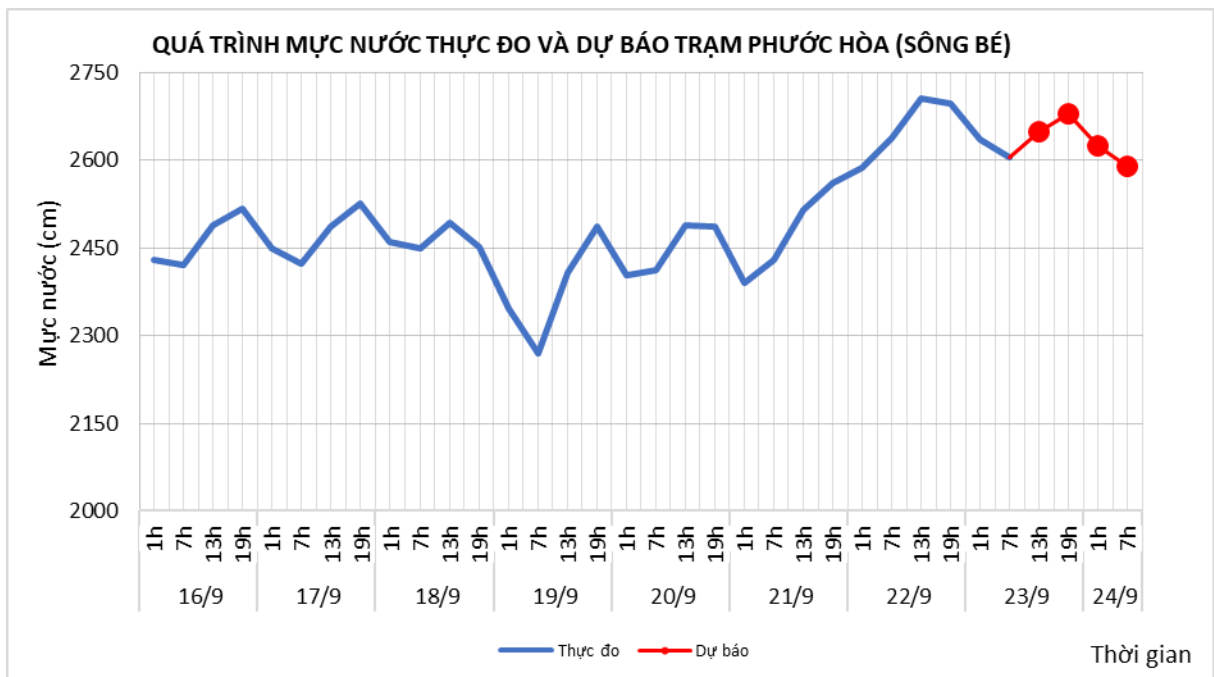
### 5.2. Sông Bé

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Bé tại trạm Phước Hòa dao động theo điều tiết của thủy điện phía thượng lưu.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Bé tại trạm Phước Hòa tiếp tục dao động theo điều tiết của hồ thủy điện thượng lưu.



## 6. Lưu vực sông Mê Công

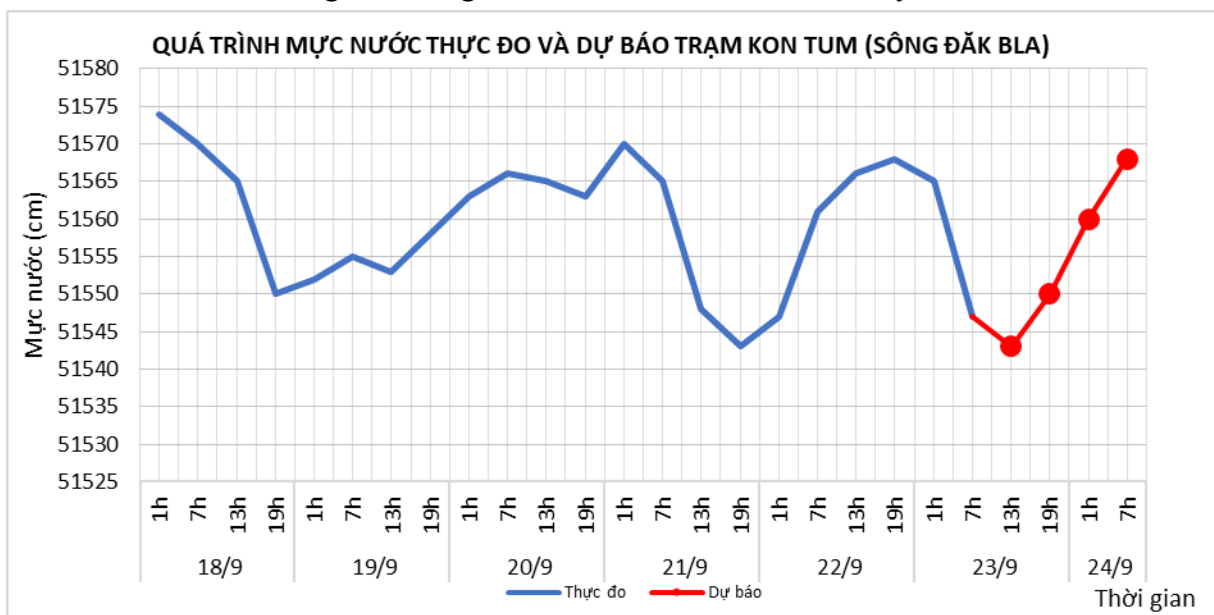
### 6.1. Sông Đắk Bla

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên các sông dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện.



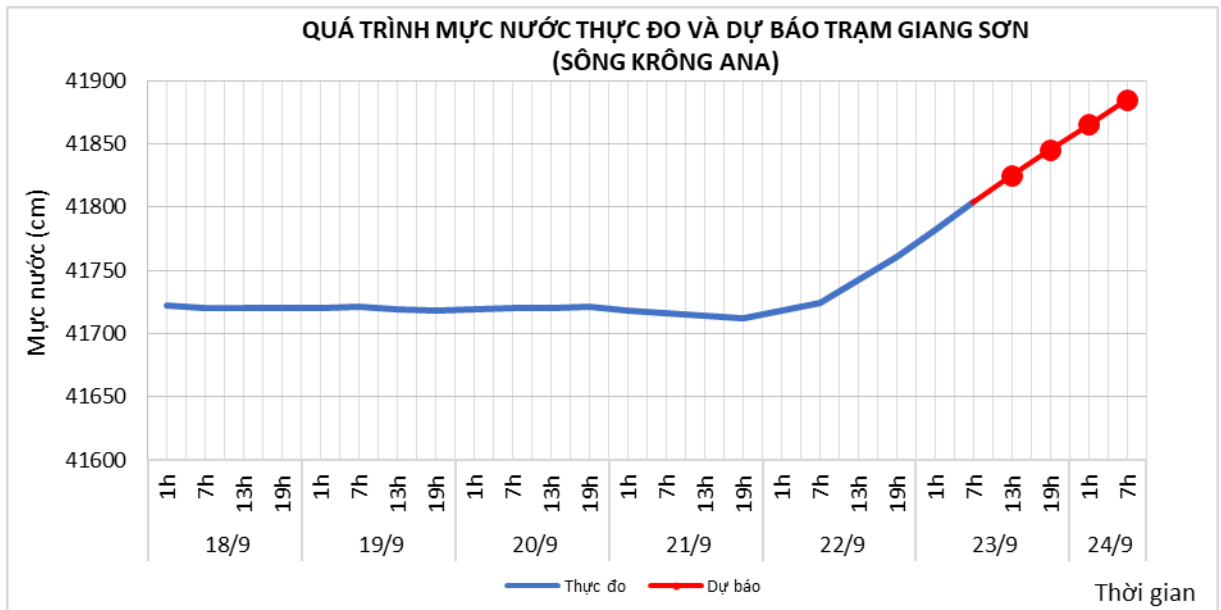
### 6.2. Sông Krông Ana

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Krông Ana biến lên. Mức nước các sông khác dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Krông Ana tiếp tục lên. Mức nước các sông khác dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện.



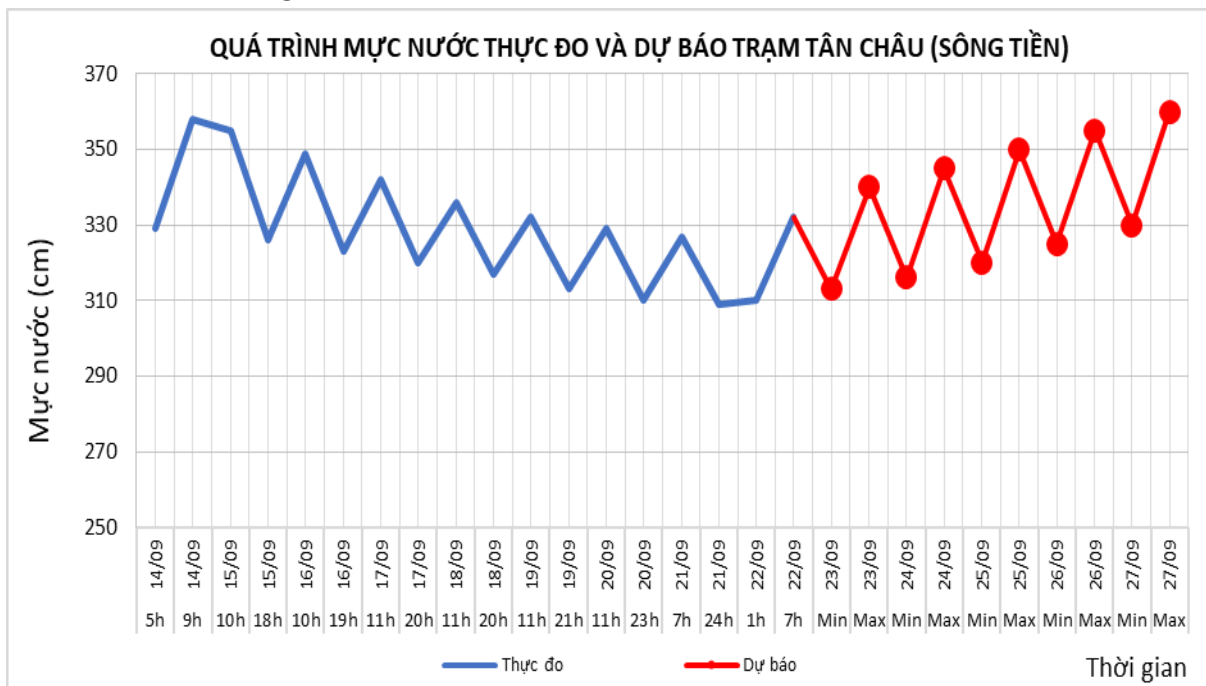
### 6.3. Sông Cũ Long

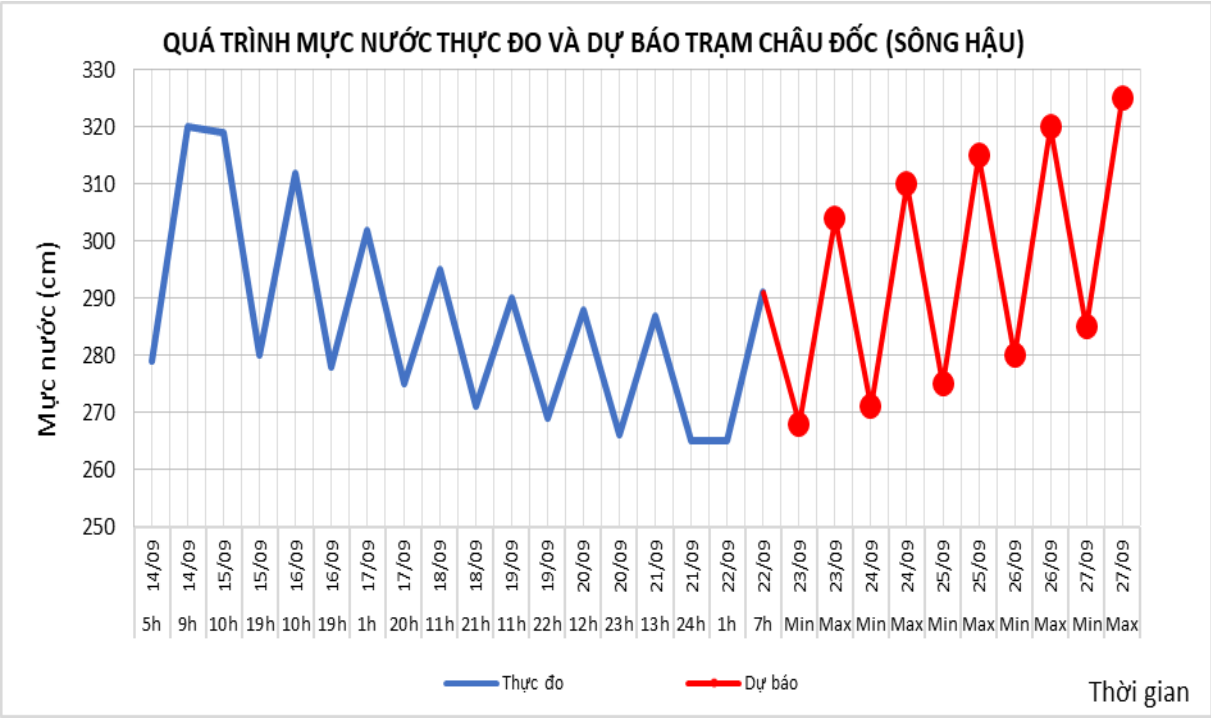
#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước đầu nguồn sông Cũ Long đang lên lại do ảnh hưởng của thủy triều. Mức nước cao nhất ngày 22/9, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 3,32m; trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 2,91m.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước đầu nguồn sông Cũ Long sẽ lên do ảnh hưởng của thủy triều. Đến ngày 27/9, mức nước cao nhất ngày trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở mức 3,60m, trên BĐ1 0,1m; trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức 3,25m, trên BĐ1 0,25m.





II. Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

| Sông      | Trạm            | Mực nước thực đo (cm) |           |          |          | Mực nước dự báo (cm) |   |           |   |          |   |          |   |           |   |           |   |          |   |          |   |
|-----------|-----------------|-----------------------|-----------|----------|----------|----------------------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|-----------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|
|           |                 | 13h-22/09             | 19h-22/09 | 1h-23/09 | 7h-23/09 | 13h-23/09            |   | 19h-23/09 |   | 1h-24/09 |   | 7h-24/09 |   | 13h-24/09 |   | 19h-24/09 |   | 1h-25/09 |   | 7h-25/09 |   |
| Đà        | Hồ Hòa Bình (*) | 2469                  | 2296      | 722      | 651      | 1050                 | 📈 | 1250      | 📈 | 500      | 📉 | 780      | 📈 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Thao      | Yên Bái         | 2558                  | 2549      | 2556     | 2536     | 2525                 | 📉 | 2515      | 📉 | 2520     | 📈 | 2535     | 📈 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Thao      | Phú Thọ         | 1254                  | 1252      | 1254     | 1252     | 1245                 | 📉 | 1240      | 📉 | 1245     | 📈 | 1250     | 📈 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Lô        | Tuyên Quang     | 1356                  | 1309      | 1354     | 1359     | 1335                 | 📉 | 1295      | 📉 | 1330     | 📈 | 1365     | 📈 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Lô        | Vũ Quang        | 513                   | 531       | 545      | 556      | 560                  | 📈 | 535       | 📉 | 540      | 📈 | 530      | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Hồng      | Hà Nội          | 192                   | 225       | 215      | 204      | 185                  | 📉 | 215       | 📈 | 220      | 📈 | 200      | 📉 | 175       | 📉 | 205       | 📈 | 215      | 📈 | 205      | 📉 |
| Cả        | Nam Đàn         | 237                   | 241       | 206      | 170      | 155                  | 📉 | 175       | 📈 | 160      | 📉 | 140      | 📉 | 135       | 📉 | 150       | 📈 |          |   |          |   |
| Kôn       | Thanh Hòa       | 516                   | 517       | 517      | 515      | 510                  | 📉 | 508       | 📉 | 505      | 📉 | 510      | 📈 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Đồng Nai  | Tà Lài          | 11250                 | 11254     | 11262    | 11254    | 11252                | 📉 | 11255     | 📈 | 11255    | 👉 | 11255    | 👉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Bé        | Phước Hòa       | 2706                  | 2698      | 2636     | 2605     | 2650                 | 📈 | 2680      | 📈 | 2625     | 📉 | 2590     | 📉 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Đăkbla    | Kon Tum         | 51566                 | 51568     | 51565    | 51547    | 51543                | 📉 | 51550     | 📈 | 51560    | 📈 | 51568    | 📈 |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Krông Ana | Giang Sơn       | 41739                 | 41761     | 41784    | 41804    | 41825                | 📈 | 41845     | 📈 | 41865    | 📈 | 41885    | 📈 |           |   |           |   |          |   |          |   |

Ghi chú: (\*):  $Q\ m^3/s$

| Sông      | Trạm            | Thực đo 24h và 36h qua (cm) |   |                    |   | Dự báo 24h và 36h tới (cm) |   |                    |   |
|-----------|-----------------|-----------------------------|---|--------------------|---|----------------------------|---|--------------------|---|
|           |                 | Mực nước cao nhất           |   | Mực nước thấp nhất |   | Mực nước cao nhất          |   | Mực nước thấp nhất |   |
| Cầu       | Đáp Cầu         | 198                         | ↓ | 157                | ↓ | 180                        | ↓ | 145                | ↓ |
| Thương    | Phủ Lạng Thương | 177                         | ↓ | 102                | ↑ | 165                        | ↓ | 90                 | ↓ |
| Lục Nam   | Lục Nam         | 170                         | ↓ | 62                 | ↑ | 160                        | ↓ | 55                 | ↓ |
| Thái Bình | Phả Lại (**)    | 179                         | ↓ | 70                 | ↓ | 170                        | ↓ | 60                 | ↓ |
| Mã        | Giàng (**)      | 236                         | ↓ | 100                | ↓ | 180                        | ↓ | 60                 | ↓ |
| La        | Linh Cảm        | 162                         | ↓ | 61                 | ↓ | 120                        | ↓ | 20                 | ↓ |
| Gianh     | Mai Hóa         | 89                          | → | -31                | ↑ | 90                         | ↑ | -30                | ↑ |
| Hương     | Kim Long        | 71                          | ↓ | 56                 | ↓ | 80                         | ↑ | 50                 | ↓ |
| Thu Bồn   | Câu Lâu         | 78                          | ↑ | -3                 | ↑ | 77                         | ↓ | -3                 | → |
| Trà Khúc  | Trà Khúc        | 79                          | ↑ | 58                 | ↑ | 80                         | ↑ | 40                 | ↓ |
| Đà Rằng   | Phú Lâm         | 49                          | ↓ | -51                | ↓ | 45                         | ↓ | -45                | ↑ |

Ghi chú: Các trạm (\*\*) lấy giá trị thực đo 36 giờ qua và dự báo 36 giờ tới

| Sông      | Trạm     | Mực nước cao nhất ngày |   |        |   |       |   |       |   |       |   |       |   | Mực nước thấp ngày |   |        |   |       |   |       |   |       |   |       |   |
|-----------|----------|------------------------|---|--------|---|-------|---|-------|---|-------|---|-------|---|--------------------|---|--------|---|-------|---|-------|---|-------|---|-------|---|
|           |          | Thực đo                |   | Dự báo |   |       |   |       |   |       |   |       |   | Thực đo            |   | Dự báo |   |       |   |       |   |       |   |       |   |
|           |          |                        |   | 22/09  |   | 23/09 |   | 24/09 |   | 25/09 |   | 26/09 |   |                    |   | 27/09  |   | 22/09 |   | 23/09 |   | 24/09 |   | 25/09 |   |
| Sông Tiền | Tân Châu | 332                    | 📈 | 340    | 📈 | 345   | 📈 | 350   | 📈 | 355   | 📈 | 360   | 📈 | 310                | 📈 | 313    | 📈 | 316   | 📈 | 320   | 📈 | 325   | 📈 | 330   | 📈 |
| Sông Hậu  | Châu Đốc | 291                    | 📈 | 304    | 📈 | 310   | 📈 | 315   | 📈 | 320   | 📈 | 325   | 📈 | 265                | 📈 | 268    | 📈 | 271   | 📈 | 275   | 📈 | 280   | 📈 | 285   | 📈 |

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 10h30’ ngày 24/09

Tin phát lúc: 10h30’

Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin

Phùng Tiến Dũng